

Bản án số: 372/2022/HS-PT

Ngày: 06-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Văn Trục

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 302/2022/HSPT ngày 21 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị O do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Thị O, sinh năm 1958 tại tỉnh Thành phố H2; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ D, Ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trần Văn M và con bà Trần Thị C; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có chồng và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1983); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại không kháng cáo:

Bà Lê Thị R, sinh năm 1966; trú tại: Ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa:

Luật sư Trần Văn L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, làm việc tại Văn phòng L1 bào chữa cho bị cáo Trần Thị O (có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

1) Bà Trần Thị C1, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2) Ông Phạm Hữu T (tên gọi khác: T1), sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3) Bà Tô Thị H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Tổ B, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Thị R và Trần Thị H1 có mối quan hệ chơi hụi, vay mượn tiền từ trước nên ngày 19/3/2020 bà R cùng bà Tô Thị H (là cháu bà R) đi đến nhà của Trần Thị O tại địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, huyện C để đòi tiền hụi. Tại trước cổng nhà của Trần Thị O, giữa 02 bên xảy ra cãi vã, lớn tiếng với nhau về số tiền hụi. Lúc này, có bà Trần Thị C1 (là chị ruột của O) chạy đến, thấy bà R và H đang đứng trước cổng nhà nên bà C1 kêu bà R vào nhà bà O nói chuyện. Khi bà R bước vào thềm nhà thì O cầm nón bảo hiểm đánh vào tay trái của bà R, bà R lấy tay phải đỡ, O lấy tiếp 01 cái liềm đã rỉ sét (loại dùng để cắt cỏ, không có cán) chém 01 cái trúng vào ngón trỏ (ngón 2) bàn tay phải của bà R gây thương tích. Về phía bà H khi thấy việc đánh nhau thì bà H từ ngoài sân chạy vào can ngăn và dùng nón bảo hiểm đánh vào bà C1 và O nhưng không gây thương tích. Sau đó, bị cáo vứt bỏ cái liềm bên hông nhà và công an đến thu giữ.

Ngày 19/3/2020, công an xã Trung Lập Hạ đã mời các bên về trụ sở làm việc, lấy lời khai ban đầu và lập biên bản tạm giữ tài liệu đồ vật là 01 cái liềm bằng sắt (không có cán); đối với cái nón bảo hiểm của bị cáo, công an thu giữ nhưng bị cáo không chịu nộp.

Đến ngày 05/4/2020, do vết thương nặng phải đi bệnh viện điều trị, nổi gân nhưng bị cáo O cùng gia đình không thăm hỏi tình trạng sức khỏe của bà R. Nên bà R đã làm đơn tố giác và yêu cầu cơ quan chức năng làm rõ hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo O.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 374/TgT.20 ngày 15/5/2020 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm tại mu ngón II tay phải gây bong dải trung tâm gân duỗi đã được điều trị tái tạo dải trung tâm gân duỗi, hiện còn:

+ Một sẹo kích thước 3,3 x (0,05-0,1) cm kèm phù nề mô mềm quanh sẹo.

+ Cứng khớp liên đốt 1 ngón II.

Theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm

thân: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (sáu phần trăm).

Kết luận khác: Thương tích do vật sắc, vật nhọn tác động gây ra. Không đủ cơ sở để xác định chiều hướng tác động.

Ngày 21/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Cáo trạng số: 134/Ctr-VKS.CC, truy tố bị cáo Trần Thị O về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 08/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên án theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2022/HSST ngày 08/6/2022. Theo đó đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị O 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2022).

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Thị O phải có trách nhiệm bồi thường cho bà R số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Thị O phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2022 bị cáo Trần Thị O có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thừa nhận có hành vi dùng利器 gây thương tích cho bị hại Lê Thị R, nhưng bị cáo cho rằng bản thân bị cáo không cố ý gây thương tích, do bà R đánh bị cáo nên bị cáo chỉ tự vệ. Đồng thời bị cáo xin miễn tiền án phí vì bị cáo là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn.

- Bị hại Lê Thị R trình bày rằng bà không dùng nón bảo hiểm đánh bị cáo O như bị cáo đã trình bày và bà đề nghị Tòa án xét xử đúng người, đúng tội đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của bị cáo thì Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy: cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Trần Thị O về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật và mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp với hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án nêu trên đối với bị cáo.

Về phân trách nhiệm dân sự: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại không đi làm, ở nhà nội trợ nhưng bản án tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 01 tháng lương do bị mất thu nhập và áp dụng Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động là không phù hợp. Đối với số tiền chi phí tổn thất tinh thần 06 tháng lương, bản án tính mức lương 4.420.000 đồng/tháng là không đúng mà phải tính trên mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng (quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự). Do đó bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 40.000.000 đồng là không phù hợp và gây bất lợi cho bị cáo nên cần sửa lại phần xử lý trách nhiệm dân sự theo hướng không tuyên buộc bị cáo phải bồi thường chi phí 01 tháng lương do bị mất thu nhập và áp dụng lại mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng x 06 tháng lương = 8.940.000 đồng đối với phần tiền bồi thường tổn thất sức khỏe, tinh thần của bị hại. Như vậy, tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 18.897.000 đồng.

Từ đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị O, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”; sửa án về phần dân sự, tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 18.897.000 đồng, sửa án phí theo quy định.

- Luật sư Trần Văn L bào chữa cho bị cáo Trần Thị O không đồng ý với tội danh và khung hình phạt đã xét xử bị cáo O. Luật sư cho rằng bị hại đi cùng bà Tô Thị H là người chuyên đi đòi nợ thuê, đến nhà bị cáo để đòi nợ, bị hại tuyên bố nếu bị cáo không trả nợ thì sẽ bị đánh; theo lời khai của người làm chứng Phạm Hữu T (tên gọi khác: T1) thì ông nhìn thấy bị hại Rua chủ động cầm nón đánh bị cáo, như vậy lời khai của bị cáo O về việc tự vệ là có cơ sở. Đồng thời, Luật sư cũng đề nghị Đại diện Viện kiểm sát làm rõ về các nội dung: vị trí mà bị cáo O đánh bà R là tại đâu, diễn biến hành vi lúc đó như thế nào, bị cáo cầm liềm đánh như thế nào, cái liềm là hung khí thì có nguyên vẹn không, lời khai của ông Phạm Hữu T2 có được xem là chứng cứ trong vụ án này hay không và bị cáo O đã gây thương tích cho bà R là 06% nhưng thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Từ đó Luật sư đề nghị căn cứ vào Điều 13 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thị O không phạm tội.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng quá trình điều tra không có cơ sở chứng minh bị hại đã tấn công trước, gây thương tích cho bị cáo và qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” đúng người, đúng tội nên giữ nguyên quan điểm. Ngược lại, về phía Luật sư Trần Văn L tranh luận cho rằng Kiểm sát viên chưa tranh luận được các vấn đề luật sư đã nêu ra nên bảo lưu quan điểm bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Lê Thị R và Trần Thị H1 có mối quan hệ chơi hụi, vay mượn tiền từ trước nên ngày 19/3/2020 bà R cùng bà Tô Thị H (là cháu bà R) đi đến nhà của Trần Thị O tại địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, huyện C để đòi tiền hụi. Tại trước cổng nhà của Trần Thị O, giữa 02 bên xảy ra cãi vã, lớn tiếng với nhau về số tiền hụi. Lúc này, có bà Trần Thị C1 (là chị ruột của O) chạy đến, thấy bà R và H đang đứng trước cổng nhà nên bà C1 kêu bà R vào nhà bà O nói chuyện. Khi bà R bước vào thềm nhà thì O cầm nón bảo hiểm đánh vào tay trái của bà R, bà R lấy tay phải đỡ, O lấy tiếp 01 cái liềm đã rỉ sét (loại dùng để cắt cỏ, không có cán) chém 01 cái trúng vào ngón trỏ (ngón 2) bàn tay phải của bà R gây thương tích. Về phía bà H khi thấy việc đánh nhau thì bà H từ ngoài sân chạy vào can ngăn và dùng nón bảo hiểm đánh vào bà C1 và O nhưng không gây thương tích. Sau đó, bị cáo vứt bỏ cái liềm bên hông nhà và công an đến thu giữ.

Đến ngày 05/4/2020, bà Lê Thị R làm đơn tố giác và yêu cầu cơ quan chức năng làm rõ hành vi cố ý gây thương tích của Trần Thị O.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 374/TgT.20 ngày 15/5/2020 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06%.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị O về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2022 bị cáo Trần Thị O làm đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo:

- Về tội danh và hình phạt:

Bị cáo Trần Thị O chỉ vì một chút mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà bị cáo đã dùng 01 cái liềm chém 01 cái trúng vào ngón trỏ bàn tay phải của bị hại gây thương tích 06% nên cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cùng với luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: bị cáo không phạm tội “Cố ý gây

thương tích” vì bị hại đã dùng nón bảo hiểm đánh bị cáo trước nên bị cáo dùng liềm quơ chống trả chứ không cố ý gây thương tích cho bị hại. Xét thấy, hiện trường vụ án là tại trong nhà của bị cáo và có nhiều khoản trống nên nếu trong trường hợp bị cáo bị bị hại gây áp lực, bị đánh thì bị cáo vẫn có điều kiện để né tránh, tuy vậy qua điều tra không có căn cứ cho rằng bị hại là người dùng nón bảo hiểm đánh bị cáo trước và trên người của bị cáo cũng không có bất kỳ thương tích nào, trong khi đó thực tế thì chính bị cáo đã dùng liềm gây ra thương tích 06% đối với bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Thị O phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, còn lời trình bày nêu trên của bị cáo cùng luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị O phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo khai báo rõ ràng về hành vi gây thương tích cho bị hại, bản thân bị cáo đã lớn tuổi (64 tuổi), là nông dân, có trình độ học vấn thấp và đang bị nhiều bệnh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Và các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo và tuyên phạt bị cáo mức án 09 tháng tù, cho hưởng án treo là tương xứng, phù hợp với hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh của bị cáo.

- Về phần trách nhiệm dân sự:

Bản án sơ thẩm đã quyết định các chi phí bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: Chi phí thuốc men, chi phí phẫu thuật điều trị là 7.957.000 đồng, chi phí thuê xe nhập viện 01 lần và tái khám 01 lần là 2.000.000 đồng, chi phí bị mất thu nhập trong thời gian điều trị 01 tháng là 4.420.000 đồng; Chi phí tổn thất tinh thần là 06 tháng lương tối thiểu x 4.420.000 đồng = 26.520.000 đồng, tổng số tiền phải bồi thường là 40.897.000 đồng. Nhưng do bị hại R chỉ yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng. Xét thấy, Bản án sơ thẩm nêu trên buộc bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần với mức 06 tháng là cao so với tỉ lệ thương tích 6% của bị hại và mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ ấn định lại số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 03 tháng x 1.490.000 = 4.470.000 đồng. Riêng đối với thu nhập bị mất trong 01 tháng điều trị thương tích là 4.420.000 đồng, mặc dù bị hại không phải là người có hợp đồng lao động nhưng là người làm nội trợ nên cũng được xem là lao động có thu nhập, do đó áp dụng mức lương tối thiểu vùng như trên là có căn cứ. Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 7.957.000 đồng (chi phí điều trị và thuốc) + 2.000.000 đồng (chi phí thuê xe đi điều trị) + 4.420.000 đồng (khoản thu nhập bị mất) + 4.470.000 đồng (tiền bồi thường tổn thất tinh thần) = 18.847.000

đồng. Vì thế, kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự là có căn cứ để chấp nhận với số tiền đã phân tích ở trên.

- Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: bị cáo Trần Thị O là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên theo quy định tại Điều 3 và điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin miễn án phí theo quy định của pháp luật. Do vậy, Trần Thị O được miễn nộp án phí (dân sự, hình sự) trong vụ án này.

+ Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc hủy bản án hình sự sơ thẩm, nhưng có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và nghĩa vụ phải chịu án phí.

[5] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận một phần lời trình bày của Luật sư tại phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị O và sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt: **Trần Thị O** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/6/2022).

Giao bị cáo Trần Thị O cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Thị O bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lê Thị R tổng số tiền là 18.847.000 đồng (mười tám triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị O.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Thị O không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Củ Chi; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Luật sư; (1)
- THA huyện Củ Chi; (2)
- TAND huyện Củ Chi; (2)
- Công an huyện Củ Chi; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20) (3)

Ngô Ngọc Thắng